

QUỸ ETF FPT CAPITAL VNX50
được quản lý bởi
Công ty CP Quản lý Quỹ đầu tư FPT
FPT CAPITAL VNX50 ETF
managed by
FPT Fund Management JSC

Số/No.: 1408.2/2023/CV_FPTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2023
Ha Noi, August 14, 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM/ *Ho Chi minh City Stock Exchange*

1. Tên Công ty Quản lý Quỹ/ *Name of FMC*: Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư FPT/ *FPT Fund Management Joint Stock Company*

- Tên quỹ ETF niêm yết/ *Name of listed fund*: **Quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50/ *FPT CAPITAL VNX50 ETF***

- Mã chứng khoán/ *Stock code*: **FUEFCV50**

- Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*: Tầng 7, Khối 17 tầng, Tòa nhà FPT Tower, Số 10 Phố Phạm Văn Bạch, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội/ *7th floor, 17-storey block, FPT Tower, 10 Pham Van Bach Street, Dich Vong Ward, Cau Giay District, Hanoi city*

- Điện thoại/Tel: (84) 24 – 7300 1313

- Email: etffcapvnx50@fpt.com

Website: <https://fptcapital.com.vn/>

2. Nội dung thông tin công bố: **Báo cáo tài chính soát xét bán niên 2023**

Contents of information disclosure: **Report on audited financial statements in the first half of 2023**

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty/ Quỹ vào ngày 14/08/2023 tại đường dẫn: <https://fptcapital.com.vn/> /*This information was published on the company's/the Fund's website on 14/08/2023, as in the link: https://fptcapital.com.vn/*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./ *We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

Tài liệu đính kèm/ Attachment:

Báo cáo tài chính soát xét bán niên 2023/
Report on audited financial statements in the first half of 2023

Người được ủy quyền công bố thông tin kiêm
Cán bộ Kiểm soát nội bộ của FPT Capital/
Publisher cum Internal Control Staff



NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG

Quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 04 tháng 04 năm 2023 (ngày thành lập Quỹ)
đến ngày 30 tháng 06 năm 2023



Quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Chủ tịch Công ty Quản lý Quỹ	2
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	3 - 9
Báo cáo của Ngân hàng Giám sát	10
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	11 - 12
Báo cáo thu nhập giữa niên độ	13
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ	14
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ	15
Báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ	16 - 17
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	18
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	19 - 42

Quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50

THÔNG TIN CHUNG

QUỸ

Quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50 (“Quỹ”) được thành lập ngày 04 tháng 04 năm 2023 dưới hình thức quỹ hoán đổi danh mục theo Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006 đã được thay thế bởi Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019, Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quy chế thành lập và quản lý quỹ mở đã được thay thế bởi Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan. Quỹ được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 45/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCK”) cấp ngày 04 tháng 04 năm 2023. Theo đó, Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Quỹ có vốn điều lệ đã huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng là 60.000.000.000 đồng, tương đương với 60 lô chứng chỉ quỹ. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, vốn góp bằng mệnh giá của Nhà đầu tư vào Quỹ là 60.000.000.000 đồng, tương đương với 60 lô chứng chỉ quỹ.

Quỹ được đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng theo Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 354/GCN-UBCK ngày 28 tháng 12 năm 2022. Chứng chỉ quỹ được niêm yết tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) theo Quyết định số 216/QĐ-SGDHCM ngày 10 tháng 05 năm 2023 do HOSE cấp.

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Quỹ được quản lý bởi Công ty cổ phần Quản lý quỹ đầu tư FPT (sau đây được gọi tắt là “Công ty Quản lý Quỹ” hoặc “Công ty”), được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 18/UBCK-GP do UBCK cấp ngày 25 tháng 07 năm 2007.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong giai đoạn tài chính từ ngày 04 tháng 04 năm 2023 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 06 năm 2023 và vào ngày lập báo cáo này là Ông Ngô Thanh Hải – Chức danh: Chủ tịch.

Bà Nguyễn Thị Thu Nguyệt – Chức danh: Tổng Giám đốc được ủy quyền ký báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ cho giai đoạn tài chính từ ngày 04 tháng 04 năm 2023 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 06 năm 2023 theo Ủy quyền số 0301/2023/FPTC-UQ ngày 03 tháng 01 năm 2023 của Ông Ngô Thanh Hải.

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng Giám sát của Quỹ là Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành.

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện của Quỹ trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Ryosuke Hayashi	Chủ tịch, Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 02 năm 2023
Bà Đoàn Thị Vân Anh	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 02 năm 2023
Bà Nguyễn Thị Thu Nguyệt	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 02 năm 2023

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Quỹ.

Quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Chủ tịch Công ty cổ phần Quản lý quỹ đầu tư FPT (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ ETF FPT Capital VNX50 (“Quỹ”) cho giai đoạn tài chính từ ngày 04 tháng 04 năm 2023 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 06 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Chủ tịch Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, danh mục đầu tư giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, kết quả thu nhập giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Quỹ trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Chủ tịch Công ty được yêu cầu phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Chủ tịch Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được thiết lập và lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Chủ tịch Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Chủ tịch Công ty cam kết với Ban Đại diện Quỹ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Theo ý kiến của Chủ tịch Công ty, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ và danh mục đầu tư giữa niên độ của Quỹ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, kết quả thu nhập giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Quỹ độ cho giai đoạn tài chính từ ngày 04 tháng 04 năm 2023 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 06 năm 2023 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ hoán đổi danh mục.

Thay mặt Chủ tịch Công ty cổ phần Quản lý quỹ đầu tư FPT



Bà Nguyễn Thị Thu Nguyệt
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 08 năm 2023

Quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

1. **Tên của Quỹ:** Quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50

2. **Mục tiêu đầu tư của Quỹ:** Phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ do UBCKNN cấp, Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ.

3. **Hiệu quả hoạt động của Quỹ:**

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ là 4,05% so với giá trị tài sản ròng của quỹ tại ngày 04 tháng 04 năm 2023. Trong khi giá trị của danh mục chứng khoán cơ cấu thay đổi là 4,08%; thay đổi của chỉ số tham chiếu là 4,65%.

4. **Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ:**

Mục tiêu của Quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50 là mô phỏng gần nhất có thể biến động (performance) của chỉ số VNX50 sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ số VNX50 là chỉ số (price index) do Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh xây dựng và quản lý.

Quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50 sử dụng chiến lược đầu tư thụ động để thực hiện mục tiêu đầu tư đã định trước. Khi danh mục chứng khoán của chỉ số VNX50 có sự thay đổi thì Quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50 sẽ thực hiện điều chỉnh danh mục của Quỹ để phù hợp với danh mục đầu tư của chỉ số VNX50 về cơ cấu và tỷ trọng tài sản. Quỹ sẽ hướng đến việc có kết quả tương đồng với chỉ số tham chiếu và không thực hiện chiến lược phòng thủ khi thị trường giảm và không hiện thực hoá lợi nhuận khi thị trường được định giá quá cao. Việc đầu tư thụ động nhằm giảm thiểu chi phí và mô phỏng gần hơn chỉ số tham chiếu bằng cách duy trì tỷ lệ vòng quay vốn đầu tư thấp hơn so với các quỹ sử dụng chiến lược đầu tư chủ động.

5. **Phân loại Quỹ:** Quỹ hoán đổi danh mục

6. **Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ:** Không có

7. **Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao):** Trung bình

8. **Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ:**

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày 04 tháng 04 năm 2023.

9. **Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo:**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành là 6.000.000, và giá trị tài sản ròng của một đơn vị chứng chỉ quỹ là 10.404,53 Đồng Việt Nam.

10. **Chỉ số tham chiếu của Quỹ:**

Chỉ số tham chiếu của Quỹ là chỉ số giá VNX50.

11. **Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ:**

Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ sẽ được xem xét hàng năm và phụ thuộc vào kết quả hoạt động và quyết định của nhà đầu tư trong Đại hội Nhà Đầu Tư.

12. **Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị chứng chỉ quỹ:** Không có.

Quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

1. Cơ cấu tài sản Quỹ

Cơ cấu tài sản quỹ	30/06/2023 (%)	30/06/2022 (%)
Danh mục chứng khoán	98,52	(*)
Tài sản khác	1,48	(*)
Cộng	100,00	(*)

(*) Quỹ được cấp phép thành lập ngày 04/04/2023 nên không có số liệu tại kỳ bán niên năm 2022

2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

Chỉ tiêu	30/06/2023	30/06/2022
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	62.427.180.673	(*)
Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành	6.000.000	(*)
Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Chứng chỉ quỹ (CCQ)	10.404,53	(*)
Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	10.569,45	(*)
Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	9.533,95	(*)
Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo (**)	14.000	(*)
Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (**)	16.500,00	(*)
Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (**)	11.690,00	(*)
Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	4,05%	(*)
Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ	Không có	(*)
Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ	Không có	(*)
Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution)	Không có	(*)
Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%)	2,56%	(*)
Tốc độ vòng quay danh mục (%)	6,43%	(*)

(*) Quỹ được cấp phép thành lập ngày 04/04/2023 nên không có số liệu tại kỳ bán niên năm 2022

(**) Chứng chỉ quỹ bắt đầu giao dịch từ ngày 25/05/2023

Quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

3. Tăng trưởng qua các thời kỳ

Giai đoạn	Tổng tăng trưởng NAV/CCQ	Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm
- 1 năm	N/A	N/A
- 3 năm	N/A	N/A
- Từ khi thành lập	4,05%	N/A
- Tăng trưởng của chỉ số tham chiếu	4,65%	N/A

4. Tăng trưởng từng kỳ báo cáo

Thời kỳ	30/06/2023	30/06/2022
Tỷ lệ tăng trưởng %/1 đơn vị CCQ	4,05%	(*)

(*) Quỹ được cấp phép thành lập ngày 04/04/2023 nên không có số liệu tại kỳ bán niên năm 2022

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ

Thị trường chứng khoán Việt Nam đã có diễn biến thuận lợi trong tháng 6. Các nhà đầu tư trở nên lạc quan hơn sau quyết định tạm dừng tăng lãi suất của Fed và ngay sau đó là đợt cắt giảm lãi suất điều hành thứ tư từ đầu năm của NHNN. Lần đầu tiên VN-Index vượt ngưỡng 1.100 kể từ tháng 1 và đạt đỉnh gần 1.140 trước khi điều chỉnh sau thông tin GDP yếu hơn dự kiến. Tổng kết, VN-Index tăng 4,19% so với tháng trước, đóng cửa ở mức 1.120,18.

Khi tâm lý thị trường được cải thiện, hoạt động giao dịch sôi động hơn đáng kể. Giá trị giao dịch trung bình hàng ngày của HSX trong tháng 6 là 16,9 nghìn tỷ đồng, tăng 38% so với tháng trước. Nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục chốt lãi trong tháng này, bán ròng nhẹ 0,5 nghìn tỷ đồng trên HSX. Từ đầu năm đến nay, khối ngoại bán ròng 0,76 nghìn tỷ đồng cổ phiếu trên HSX nhưng mua ròng 1,5 nghìn tỷ đồng trên cả ba sàn.

Quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

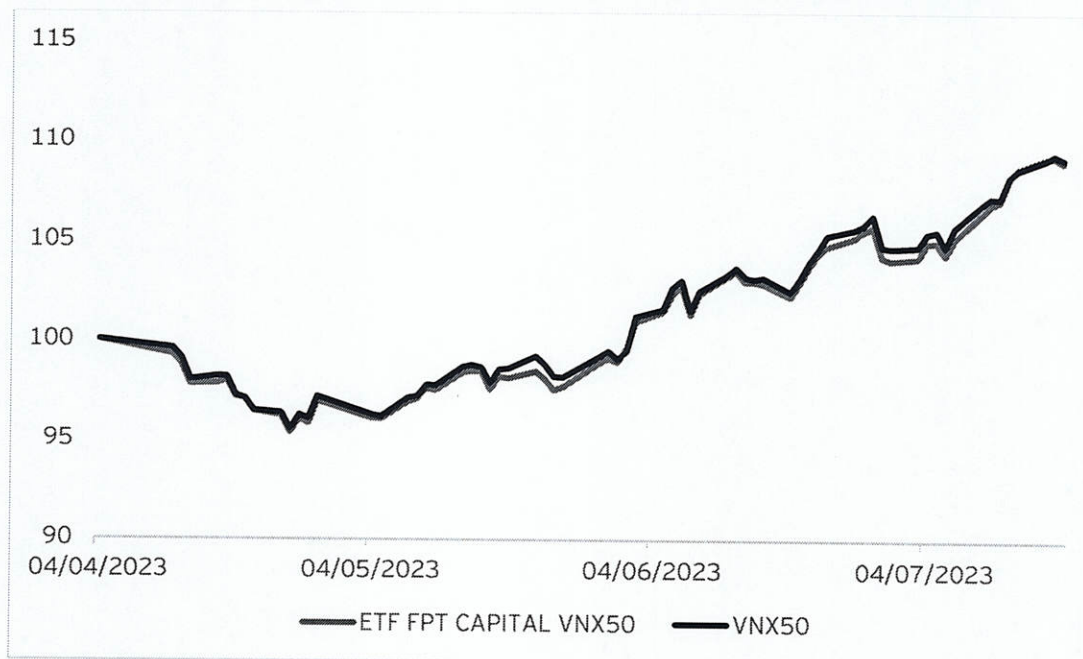
IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

Chỉ tiêu	1 năm đến thời điểm báo cáo	Từ khi thành lập
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	N/A	4,05%
Tăng trưởng hàng năm (%)/1 đơn vị CCQ	N/A	N/A
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	N/A	4,08%
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ (*)	N/A	19,76%

(*) Tính từ ngày Quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50 được chính thức niêm yết trên sàn HSX (25/05/2023) với giá đóng cửa là 11.690,00 VND

• Biểu đồ tăng trưởng của Quỹ trong 3 năm gần nhất (dữ liệu tính từ ngày 04/04/2023)



• Thay đổi giá trị tài sản ròng

Chỉ tiêu	30/06/2023	30/06/2022	Tỷ lệ thay đổi
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	62.427.180.673	(*)	Không áp dụng
Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ	10.404,53	(*)	Không áp dụng

(*) Quỹ được cấp phép thành lập ngày 04/04/2023 nên không có số liệu tại kỳ bán niên năm 2022

Quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

2. Thống kê về nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo

Quy mô nắm giữ (Đơn vị)	Số lượng nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
Dưới 5.000	26	15.100	0,25%
Từ 5.000 đến 10.000	2	10.900	0,18%
Từ 10.000 đến 50.000	0	0	0,00%
Từ 50.000 đến 500.000	7	980.300	16,34%
Trên 500.000	1	4.993.700	83,23%
Tổng cộng	36	6.000.000	100,00%

3. Chi phí ngầm và giảm giá

Để hạn chế vấn đề xung đột về lợi ích và đảm bảo sự chính xác của khoản mục chi phí của Quỹ, Công ty quy định tất cả nhân viên của Công ty không được phép nhận các khoản giảm giá bằng tiền và không được thực hiện các khoản chi phí ngầm khi thực hiện các giao dịch của Quỹ với các đối tác cung cấp dịch vụ cho Quỹ.

Trong kỳ báo cáo, Quỹ không phát sinh các khoản giảm giá bằng tiền hoặc chi phí ngầm liên quan đến các giao dịch của Quỹ với các đối tác cung cấp dịch vụ cho Quỹ.

V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Mặc dù NHNN đã cắt giảm lãi suất 4 lần kể từ đầu năm nhưng vẫn còn dư địa để có thể giảm thêm. Tuy nhiên, nhiều khả năng Fed sẽ tiếp tục tăng lãi suất trong cuộc họp vào cuối tháng 7, điều này có thể gây một vài áp lực lên tỷ giá. Bắt đầu từ tháng 7, một số chính sách hỗ trợ tài khoá đã được triển khai như giảm 2% thuế GTGT, giảm 50% lệ phí trước bạ đối với ô tô lắp ráp trong nước, tăng lương cơ sở. Với kết quả GDP quý 2 năm 2023 dưới mức mục tiêu và sự phục hồi kinh tế chậm hơn dự kiến trong nửa cuối năm, chúng tôi kỳ vọng sẽ tiếp tục có thêm các chính sách hỗ trợ mới được ban hành.

Kết quả kinh doanh quý 2 sẽ được công bố trong tháng này và ước tính ban đầu của một số doanh nghiệp cho thấy sự cải thiện so với quý đầu tiên, nhưng vẫn giảm đáng kể so với năm ngoái. Do đó, hệ số P/E trượt sẽ tăng. Tuy nhiên, nhà đầu tư cho rằng kết quả kinh doanh đã chạm đáy trong quý 1 năm 2023 và đang kỳ vọng vào sự phục hồi trong tương lai. Mức P/E dự phóng vẫn hấp dẫn hơn so với các thị trường khu vực

Quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN KHÁC

Người Điều Hành Quỹ

• Ông Ngô Thanh Hải

- Có bằng Thạc sỹ Quản trị kinh doanh do Trường Đại học Nam Columbia (Hoa Kỳ) cấp.
- Có Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ số 001031/QLQ do UBCKNN cấp ngày 13/11/2013.
- Có hơn 9 năm làm việc tại các vị trí liên quan đến hoạt động quản lý tài sản (Trưởng phòng Đầu tư VIP, Giám đốc Đầu tư của FPT Capital từ tháng 11/2013 đến nay).
- Hiện đang là Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Đầu tư của FPT Capital.

• Ông Nguyễn Thành Long

- Có Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ số 001850/QLQ do UBCKNN cấp ngày 28/11/2019.
- Có 4 năm làm việc tại các vị trí liên quan đến hoạt động quản lý tài sản (Chuyên viên Đầu tư tại CTCP Đầu tư Tài chính Bảo hiểm Dầu khí, Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex, Ngân hàng TMCP Quân đội; Phó phòng/Trưởng phòng Đầu tư tại Công ty QLQ FPT từ tháng 5/2015 đến nay).
- Hiện đang là Trưởng phòng Đầu tư tại FPT Capital.

Ban Đại Diện Quỹ

• Ông Hayashi Ryosuke - Thành viên độc lập, Chủ tịch Ban đại diện quỹ

- Ông Hayashi Ryosuke - Thành viên độc lập, Chủ tịch Ban đại diện quỹ.
- Ông Hayashi Ryosuke hiện đang là giám đốc điều hành của quỹ SBI Ven Capital (Singapore).
- Ông Hayashi Ryosuke có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý vốn và đầu tư, ngân hàng đầu tư, tư vấn tái cấu trúc và tư vấn chiến lược. Hiện ông Hayashi Ryosuke đang nắm giữ vị trí giám đốc điều hành quỹ SBI Ven Capital tại Singapore và Thành viên hội đồng quản trị của Ngân hàng YaR – Bank tại Nga. Trước đó, ông đã từng đảm nhiệm vị trí giám đốc điều hành của quỹ đầu tư mạo hiểm Wall Street Journal Japan K.K và giám đốc điều hành của hãng tư vấn M&A Consulting, Inc tại Nhật Bản.

• Bà Đoàn Thị Vân Anh – Thành viên độc lập, Ban đại diện quỹ

- Bà Đoàn Thị Vân Anh hiện đang là Kế toán trưởng Công ty TNHH Northstar Precision Việt Nam.
- Bà Đoàn Thị Vân Anh có hơn 16 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kế toán, kiểm toán và phân tích. Hiện bà Vân Anh đang nắm giữ vị trí Kế toán trưởng Công ty TNHH Northstar Precision Việt Nam. Trước đó, bà Vân Anh từng là kiểm toán viên tại hãng kiểm toán KPMG Việt Nam, chuyên viên phân tích tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina và chuyên viên phân tích cao cấp tại FPT Capital.

Quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

Ban Đại Diện Quỹ (tiếp theo)

- **Bà Nguyễn Thị Thu Nguyệt – Thành viên, Ban đại diện quỹ**
 - Bà Nguyễn Thị Thu Nguyệt hiện đang là Tổng Giám đốc của Công ty cổ phần Quản lý quỹ đầu tư FPT.
 - Bà Nguyễn Thị Thu Nguyệt có 10 năm kinh nghiệm làm Trưởng ban pháp chế của FPT Capital, thực hiện tư vấn pháp lý cho toàn bộ lĩnh vực hoạt động kinh doanh của FPT Capital bao gồm: hoạt động quản lý Danh mục đầu tư, quản lý quỹ đầu tư Chứng khoán, tư vấn đầu tư Chứng khoán và các lĩnh vực khác: quản trị doanh nghiệp, quản lý dự án đầu tư, dự án tài chính, đầu tư mua bán sáp nhập, ngân hàng. Đến tháng 7/2018, Bà Nguyệt được bổ nhiệm làm Tổng giám đốc của FPT Capital. Bà Nguyệt có Chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ do UBCK Nhà nước cấp; Cử nhân chuyên ngành Luật Kinh tế - Đại học Luật Hà Nội; Thạc sỹ Luật quốc tế tại ĐH Quốc gia Hà Nội, chứng nhận tốt nghiệp chương trình trao đổi sinh viên Quốc tế Đại học Nagoya – Nhật Bản.

Ban Điều hành của Công Ty Quản Lý Quỹ

- **Ông Ngô Thanh Hải**
 - Có bằng Thạc sỹ Quản trị kinh doanh do Trường Đại học Nam Columbia (Hoa Kỳ) cấp.
 - Có Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ số 001031/QLQ do UBCKNN cấp ngày 13/11/2013.
 - Có hơn 9 năm làm việc tại các vị trí liên quan đến hoạt động quản lý tài sản (Trưởng phòng Đầu tư VIP, Giám đốc Đầu tư của FPT Capital từ tháng 11/2013 đến nay).
 - Hiện đang là Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Đầu tư của FPT Capital.
- **Ông Nguyễn Thành Long**
 - Có Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ số 001850/QLQ do UBCKNN cấp ngày 28/11/2019.
 - Có 4 năm làm việc tại các vị trí liên quan đến hoạt động quản lý tài sản (Chuyên viên Đầu tư tại CTCP Đầu tư Tài chính Bảo hiểm Dầu khí, Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex, Ngân hàng TMCP Quân đội; Phó phòng/Trưởng phòng Đầu tư tại Công ty QLQ FPT từ tháng 5/2015 đến nay).
 - Hiện đang là Trưởng phòng Đầu tư tại FPT Capital.

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2023

Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư FPT



Quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50

BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát của Quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50 (“Quỹ”) cho giai đoạn từ ngày 04 tháng 04 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này, Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

a) Việc lưu ký tài sản của quỹ: Việc lưu ký tài sản của Quỹ đã tuân thủ theo quy định pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ hoán đổi danh mục, Điều lệ, bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật có liên quan

b) Công Ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư FPT đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ hoán đổi danh mục, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

c) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50 đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

Tại kỳ báo cáo xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ ngày 12/04/2023, 13/04/2023 và 16/04/2023, việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ có phát sinh sai lệch, do Quỹ chưa niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán và không phát sinh giao dịch hoán đổi trong kỳ nên sai lệch trên không thiệt hại cho Quỹ và không gây ảnh hưởng tới nhà đầu tư. Ngân hàng giám sát đã phối hợp với Công ty Quản lý Quỹ điều chỉnh lại giá trị tài sản ròng của Quỹ theo đúng quy định của pháp luật, Bản cáo bạch và điều lệ Quỹ.

d) Trong kỳ, Quỹ đã thực hiện việc phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ tuân thủ theo quy định pháp luật liên quan hiện hành, quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch của Quỹ.

e) Trong giai đoạn này : Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

d) Hoạt động khác: Quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50 được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký lập quỹ đại chúng ngày 04/04/2023. Vốn điều lệ của Quỹ là 60.000.000.000 VND; số lượng chứng chỉ Quỹ là 6.000.000 chứng chỉ quỹ.

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Mạnh Cường

NHÂN VIÊN GIÁM SÁT

Nguyễn Quỳnh Vân

Số tham chiếu: 13406283/E-67498209/ETF-SX

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các Nhà đầu tư
Quý ETF FPT CAPITAL VNX50**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Quý ETF FPT CAPITAL VNX50 (“Quý”), được lập ngày 14 tháng 08 năm 2023 và được trình bày từ trang 13 đến trang 42, bao gồm báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ và báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, báo cáo thu nhập giữa niên độ, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn tài chính từ ngày 04 tháng 04 năm 2023 (ngày thành lập Quý) đến ngày 30 tháng 06 năm 2023 và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Chủ tịch Công ty Quản lý Quỹ

Chủ tịch Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư FPT (Việt Nam) là Công ty Quản lý quỹ của Quý (“Chủ tịch”) chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Quý theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ hoán đổi danh mục, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không nhận thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ và danh mục đầu tư giữa niên độ của Quý tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, kết quả thu nhập giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn tài chính từ ngày 04 tháng 04 năm 2023 (ngày thành lập Quý) đến ngày 30 tháng 06 năm 2023 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Đặng Phương Hà
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2400-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 08 năm 2023

Quỹ ETF FPT Capital VNX50

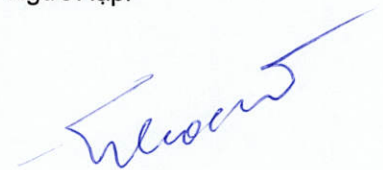
B01g-ETF

BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ

cho giai đoạn tài chính từ ngày 04 tháng 04 năm 2023 (ngày thành lập Quỹ)
đến ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính từ ngày 04/04/2023 đến ngày 30/06/2023 VND
01	I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		2.795.380.800
02	1.1 Cổ tức được chia	5	778.500.000
03	1.2. Tiền lãi được nhận	6	673.050
04	1.2 Lãi bán các khoản đầu tư	7	(101.900.000)
05	1.3 Chênh lệch tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	8	2.118.107.750
10	II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ		2.774.858
11	2.1 Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	9	2.774.858
20	III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ ETF		365.425.269
20.1	3.1 Phí quản lý quỹ ETF		93.579.791
20.2	3.2 Phí dịch vụ lưu ký tài sản quỹ ETF		58.184.991
20.3	3.3 Phí dịch vụ giám sát		15.950.000
20.4	3.4 Phí dịch vụ quản trị quỹ ETF		47.850.000
20.5	3.5 Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng		15.950.000
20.6	3.6 Phí dịch vụ khác của nhà cung cấp dịch vụ cho quỹ ETF		10.136.974
20.7	3.7 Chi phí họp, đại hội quỹ ETF		-
20.8	3.8 Chi phí kiểm toán		32.029.432
20.11	3.9 Chi phí hoạt động khác	10	91.744.081
23	IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		2.427.180.673
24	V. KẾT QUẢ THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC		-
30	VI. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		2.427.180.673
31	6.1 Lợi nhuận đã thực hiện		309.072.923
32	6.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		2.118.107.750
40	VII. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")		-
41	VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		2.427.180.673

Người lập:



Bà Vũ Hoài Anh
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Bà Nguyễn Thị Thu Nguyệt
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 08 năm 2023

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2023 VND
	I. TÀI SẢN		
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	11	771.397.550
111	1.1. Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ ETF		771.397.550
120	2. Các khoản đầu tư thuần	12	61.723.912.750
121	2.1 Các khoản đầu tư		61.723.912.750
130	3. Các khoản phải thu	13	153.046.724
133	3.1 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		138.000.000
136	3.1.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		138.000.000
	3.2. Phải thu khác		15.046.724
100	TỔNG TÀI SẢN		62.648.357.024
	II. NỢ PHẢI TRẢ		
316	1. Chi phí phải trả	14	32.029.432
319	2. Phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF	15	184.146.919
320	3. Phải trả, phải nộp khác	16	5.000.000
300	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		221.176.351
400	III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF	17	62.427.180.673
411	1. Vốn góp của nhà đầu tư		60.000.000.000
412	1.1 Vốn góp phát hành		60.000.000.000
413	1.2 Vốn góp mua lại		-
414	2. Thặng dư vốn góp của nhà đầu tư		-
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	18	2.427.180.673
430	IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ ETF TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ	17	10.404,53
440	V. LỢI NHUẬN ĐÃ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ		-

VI. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2023
004	Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	20	6.000.000

Người lập:

Bà Vũ Hoài Anh
Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 08 năm 2023

Người phê duyệt:



Bà Nguyễn Thị Thu Nguyệt
Tổng Giám đốc

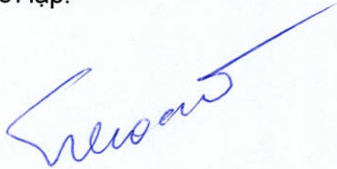
Quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50

B03g-ETF

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính từ ngày 04 tháng 04 năm 2023 (ngày thành lập Quỹ)
đến ngày 30 tháng 06 năm 2023

STT	NỘI DUNG	Cho giai đoạn tài chính từ ngày 04/04/2023 đến ngày 30/06/2023 VND
I	Giá trị tài sản ròng của quỹ ETF tại ngày 04/04/2023	60.000.000.000
II	Thay đổi giá trị tài sản ròng từ ngày 04/04/2023 đến ngày 30/06/2023	2.427.180.673
	<i>Trong đó:</i>	
II.1	Thay đổi giá trị tài sản ròng do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của quỹ ETF trong kỳ	2.427.180.673
II.2	Thay đổi giá trị tài sản ròng do phân chia lợi nhuận/tài sản của quỹ ETF cho nhà đầu tư trong kỳ	-
III	Thay đổi giá trị tài sản ròng do hoán đổi lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ	-
	<i>Trong đó:</i>	
III.1	Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ ETF	-
III.2	Khoản thanh toán từ việc hoán đổi lại chứng chỉ quỹ ETF	-
IV	Giá trị tài sản ròng của quỹ ETF cuối kỳ	62.427.180.673

Người lập:



Bà Vũ Hoài Anh
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Bà Nguyễn Thị Thu Nguyệt
Tổng giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 08 năm 2023

Quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50

B04g-ETF

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

STT	CHỈ TIÊU	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 30/06/2023 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ %/Tổng giá trị tài sản của Quỹ
1	CỔ PHIẾU NIÊM YẾT	1.935.937		61.723.912.750	98,52%
1	ACB	69.000	22.050	1.521.450.000	2,43%
2	BVH	30.000	44.100	1.323.000.000	2,11%
3	CTG	30.000	29.500	885.000.000	1,41%
4	DGC	12.000	63.800	765.600.000	1,22%
5	DIG	18.000	21.050	378.900.000	0,60%
6	EIB	30.000	21.250	637.500.000	1,02%
7	FPT	60.000	86.000	5.160.000.000	8,24%
8	GEX	36.000	19.350	696.600.000	1,11%
9	GMD	6.000	51.900	311.400.000	0,50%
10	HCM	12.000	28.150	337.800.000	0,54%
11	HDB	60.000	18.600	1.116.000.000	1,78%
12	HPG	90.000	26.150	2.353.500.000	3,76%
13	HSG	30.900	16.450	508.305.000	0,81%
14	IDC	12.000	42.400	508.800.000	0,81%
15	KBC	30.000	29.350	880.500.000	1,41%
16	KDC	6.000	62.600	375.600.000	0,60%
17	KDH	30.000	30.800	924.000.000	1,47%
18	LPB	60.000	15.150	909.000.000	1,45%
19	MBB	60.000	20.200	1.212.000.000	1,93%
20	MSB	60.000	12.600	756.000.000	1,21%
21	MSN	30.000	75.200	2.256.000.000	3,60%
22	MWG	60.000	43.300	2.598.000.000	4,15%
23	NLG	12.000	33.000	396.000.000	0,63%
24	NVL	60.000	14.850	891.000.000	1,42%
25	PDR	30.000	16.800	504.000.000	0,80%
26	PLX	12.000	37.350	448.200.000	0,72%
27	PNJ	30.000	75.000	2.250.000.000	3,59%
28	POW	30.000	13.400	402.000.000	0,64%
29	PVD	18.000	24.500	441.000.000	0,70%
30	PVS	18.000	32.400	583.200.000	0,93%
31	REE	5.980	65.200	389.896.000	0,62%
32	SBT	13.200	15.150	199.980.000	0,32%
33	SHB	60.000	12.500	750.000.000	1,20%
34	SSB	7.215	27.050	195.165.750	0,31%
35	SSI	90.000	25.800	2.322.000.000	3,71%
36	STB	30.000	29.800	894.000.000	1,43%
37	TCB	60.000	32.350	1.941.000.000	3,10%
38	TPB	250.542	18.000	4.509.756.000	7,20%
39	VCB	30.000	100.000	3.000.000.000	4,79%
40	VCI	12.000	36.600	439.200.000	0,70%
41	VGC	5.100	42.600	217.260.000	0,35%
42	VHC	6.000	65.000	390.000.000	0,62%
43	VHM	30.000	55.000	1.650.000.000	2,63%
44	VIB	36.000	19.650	707.400.000	1,13%
45	VIC	60.000	51.000	3.060.000.000	4,88%
46	VJC	18.000	94.300	1.697.400.000	2,71%
47	VND	30.000	18.900	567.000.000	0,91%
48	VNM	60.000	71.000	4.260.000.000	6,80%
49	VPB	30.000	19.850	595.500.000	0,95%
50	VRE	60.000	26.800	1.608.000.000	2,57%

2023
 H
 V
 NA
 ÁI
 ĐỘ
 1-11

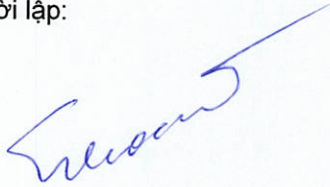
Quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50

B04g-ETF

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

STT	CHỈ TIÊU	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 30/06/2023 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ %/Tổng giá trị tài sản của Quỹ
III	CÁC TÀI SẢN KHÁC				
1	Phải thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận			138.000.000	0,22%
2	Các khoản trả trước			15.046.724	0,02%
	Tổng			153.046.724	0,24%
IV	TIỀN				
1	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ ETF			771.397.550	1,24%
	Tổng			771.397.550	1,24%
	TỔNG GIÁ TRỊ DANH MỤC			62.648.357.024	100,00%

Người lập:



Bà Vũ Hoài Anh
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Bà Nguyễn Thị Thu Nguyệt
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 08 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính từ ngày 04 tháng 04 năm 2023 (ngày thành lập Quỹ)
đến ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính từ ngày 04/04/2023 đến ngày 30/06/2023 VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
01	Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		2.427.180.673
02	Điều chỉnh cho các khoản giảm/(tăng) giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư		(2.086.078.318)
03	Lãi chưa thực hiện	8	(2.118.107.750)
04	Chi phí trích trước		32.029.432
05	Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động		341.102.355
06	Tăng các khoản đầu tư		(210.005.000)
07	Tăng dự thu phải thu tiền lãi các khoản đầu tư		(138.000.000)
08	Tăng các khoản phải thu khác		(15.046.724)
10	Giảm phải trả cho người bán		-
16	Tăng phải trả phải nộp khác		18.372.279
17	Tăng phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF		170.774.640
19	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		167.197.550
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
21	Tiền thu từ phát hành Chứng chỉ quỹ		604.200.000
22	Tiền chi hoán đổi lại Chứng chỉ Quỹ		-
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		604.200.000
40	III. Tăng tiền thuần trong kỳ		771.397.550
50	IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		-
51	Tiền gửi ngân hàng đầu năm		-
55	V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ		771.397.550
56	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ		771.397.550
57	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ ETF		771.397.550
60	VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong kỳ		771.397.550

Người lập:



Bà Vũ Hoài Anh
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Bà Nguyễn Thị Thu Nguyệt
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 04 tháng 04 năm 2023 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 06 năm 2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1.1 Thông tin về Quỹ

Quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50 (“Quỹ”) được thành lập ngày 04 tháng 04 năm 2023 dưới hình thức quỹ hoán đổi danh mục theo Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006 đã được thay thế bởi Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019, Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quy chế thành lập và quản lý quỹ mở đã được thay thế bởi Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan. Quỹ được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 45/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCK”) cấp ngày 04 tháng 04 năm 2023. Theo đó, Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Công ty Quản lý Quỹ

Quỹ được quản lý bởi Công ty cổ phần Quản lý quỹ đầu tư FPT (sau đây được gọi tắt là “Công ty Quản lý Quỹ” hoặc “Công ty”), được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 18/UBCK-GP do UBCK cấp ngày 25 tháng 07 năm 2007.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong giai đoạn tài chính từ ngày 04 tháng 04 năm 2023 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 06 năm 2023 và vào ngày lập báo cáo này là Ông Ngô Thanh Hải – Chức danh: Chủ tịch.

Bà Nguyễn Thị Thu Nguyệt – Chức danh: Tổng Giám đốc được ủy quyền ký báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ cho giai đoạn tài chính từ ngày 04 tháng 04 năm 2023 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 06 năm 2023 theo Ủy quyền số 0301/2023/FPTC-UQ ngày 03 tháng 01 năm 2023 của Ông Ngô Thanh Hải.

Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng Giám sát của Quỹ là Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành.

1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ

Quy mô vốn

Quỹ có vốn điều lệ đã huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng là 60.000.000.000 đồng, tương đương với 60 lô chứng chỉ quỹ. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, vốn góp bằng mệnh giá của Nhà đầu tư vào Quỹ là 60.000.000.000 đồng, tương đương với 60 lô chứng chỉ quỹ.

Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mô phỏng gần nhất có thể về biến động của chỉ số tham chiếu VNX50 sau khi trừ đi chi phí của Quỹ.

Xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ

Ngày định giá

Ngày định giá là ngày xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ. Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định hàng ngày và cuối tháng. Trong trường hợp Ngày định giá trùng với ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì Ngày định giá là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính từ
 ngày 04 tháng 04 năm 2023 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 06 năm 2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ (tiếp theo)

Xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ

Giá trị tài sản ròng cho mỗi chứng chỉ quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng là tổng giá trị thị trường (hoặc giá trị hợp lý trong trường hợp không xác định được giá trị thị trường) của các tài sản có trong danh mục trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ, bao gồm các khoản nợ, các nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được tính cho mỗi ngày giao dịch của Quỹ sẽ được làm tròn đến hai (02) chữ số thập phân.

Tần suất giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ

Chứng chỉ quỹ được giao dịch hàng ngày nếu ngày đó là ngày làm việc (“Ngày giao dịch”). Công ty Quản lý Quỹ sẽ thông báo đến nhà đầu tư, đại lý phân phối và các đơn vị cung cấp dịch vụ có liên quan về lịch giao dịch cụ thể khi Ngày giao dịch không phải là ngày làm việc trên trang thông tin điện tử của công ty và/hoặc bằng thư điện tử.

Công ty Quản lý Quỹ có thể thay đổi Ngày giao dịch hay tần suất giao dịch khi thấy cần thiết, với điều kiện được Đại hội Nhà đầu tư thông qua phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ. Việc thay đổi Ngày giao dịch sẽ được thông báo trước trên website của Công ty Quản lý Quỹ. Việc giảm tần suất giao dịch sẽ được Đại hội Nhà đầu tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng.

Hạn chế đầu tư

Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ tại Điều lệ Quỹ và đã được công khai tại Bản cáo bạch. Danh mục đầu tư của Quỹ phải phù hợp với danh mục của chỉ số tham chiếu về cơ cấu, tỷ trọng tài sản và bảo đảm mức sai lệch giữa giá trị tài sản ròng trên 1 lô chứng chỉ quỹ so với chỉ số tham chiếu của Quỹ không được lớn hơn mức sai lệch tối đa quy định tại Điều lệ Quỹ, quy định tại Sở giao dịch chứng khoán và các quy định của pháp luật, đồng thời vốn và tài sản của Quỹ khi được đầu tư phải tuân thủ các giới hạn sau:

- ▶ Không đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ của Chính phủ;
- ▶ Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) bao gồm tiền gửi các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng; công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan của một tổ chức phát hành, ngoại trừ công cụ nợ của Chính phủ;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính từ
 ngày 04 tháng 04 năm 2023 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 06 năm 2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

- ▶ Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản: tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng; công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan; cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng; chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán, và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà quỹ đang nắm giữ và giảm thiểu mức sai lệch so với Chỉ số tham chiếu; được phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ, trừ trường hợp là chứng khoán cơ cấu nằm trong danh mục chỉ số tham chiếu;
- ▶ Không đầu tư vào chứng chỉ của chính quỹ đó;
- ▶ Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán khác do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
 - ▶ Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - ▶ Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - ▶ Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- ▶ Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, cổ phiếu chưa niêm yết, cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch của công ty đại chúng, phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn, trái phiếu phát hành riêng lẻ; trừ trường hợp đó là các tài sản quỹ được hưởng lợi từ các quyền của chủ sở hữu;
- ▶ Không được đầu tư vào chứng khoán phát hành bởi công ty quản lý quỹ, người có liên quan của công ty quản lý quỹ, thành viên lập quỹ trừ trường hợp đó là chứng khoán cơ cấu nằm trong danh mục chỉ số tham chiếu;
- ▶ Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh và dư nợ các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ.

Trừ 3 trường hợp cuối kể trên, cơ cấu đầu tư của Quỹ chỉ được vượt mức so với các hạn chế đầu tư và chỉ do các nguyên nhân khách quan sau:

- ▶ Biến động giá trên thị trường của tài sản trong Danh mục đầu tư của Quỹ;
- ▶ Thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của Quỹ; bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
- ▶ Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
- ▶ Quỹ đang trong thời gian giải thể;
- ▶ Cơ cấu danh mục chứng khoán của chỉ số tham chiếu thay đổi;
- ▶ Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (03) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ..

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính từ
 ngày 04 tháng 04 năm 2023 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 06 năm 2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

Trong trường hợp xảy ra sai lệch so với các hạn mức đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ sẽ điều chỉnh danh mục đầu tư để đáp ứng các hạn mức đầu tư trong vòng ba (03) tháng kể từ ngày mà sai lệch phát sinh.

Trường hợp sai lệch là do Công ty Quản lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày phát sinh sai lệch. Trong trường hợp này, Công ty Quản lý Quỹ phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu có phát sinh). Nếu phát sinh lợi nhuận, thì phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính này được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 181/2015/TT-BTC (“Thông tư số 181”) ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Theo Thông tư số 181, báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập giữa niên độ;
2. Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ;
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ;
4. Báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ;
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ;
6. Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa, các báo cáo này không chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, danh mục đầu tư giữa niên độ, kết quả thu nhập giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Quỹ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

31
 C
 NST
 VII
 CHI
 H
 KI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính từ
ngày 04 tháng 04 năm 2023 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 06 năm 2023

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Quỹ là nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán

Các kỳ kế toán năm của Quỹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Kỳ kế toán giữa niên độ của Quỹ bắt đầu vào ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06.

Quỹ được thành lập ngày 04 tháng 04 năm 2023 nên Quỹ áp dụng kỳ kế toán từ ngày 04 tháng 04 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023 làm kỳ lập báo cáo giữa niên độ đầu tiên.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Quỹ là đồng Việt Nam ("VND").

2.5 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Lãnh đạo của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Lãnh đạo của Công ty Quản lý Quỹ, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Quỹ cam kết đã lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 181.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ, tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (03) tháng, có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính từ
ngày 04 tháng 04 năm 2023 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 06 năm 2023

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.2 Các khoản đầu tư

Ghi nhận ban đầu

Quỹ ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán tại ngày giao dịch.

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận ban đầu theo giá mua và không bao gồm các khoản chi phí liên quan đến việc mua các khoản đầu tư đó kể cả phí môi giới, phí giao dịch và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư thuộc Danh mục đầu tư của Quỹ được đánh giá lại theo giá thị trường tại ngày kết thúc năm tài chính.

Cổ phiếu thường và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0) và được đánh giá lại theo giá trị của các cổ phiếu đó vào ngày lập báo cáo tình hình tài chính.

Ghi nhận tiếp theo

Các khoản đầu tư được ghi nhận trên khoản mục “Các khoản đầu tư” trên báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc và phương pháp quy định trong Thông tư 98/2020/TT-BTC - Hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (“Thông tư 98”) như sau:

Đối với Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán: giá thị trường là giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá. Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau:

- ▶ Giá trị sổ sách; hoặc
- ▶ Giá mua; hoặc
- ▶ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ/Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán chấp thuận.

Trường hợp Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch: Giá được xác định là một trong các mức giá sau:

- ▶ Giá trị sổ sách; hoặc
- ▶ Mệnh giá; hoặc
- ▶ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ/Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán chấp thuận.

Ngoài ra, đối với các khoản đầu tư không được hướng dẫn cụ thể về phương pháp xác định giá trị tài sản trong Thông tư 98, Quỹ ghi nhận theo nguyên tắc và phương pháp sau:

Giá vốn của chứng khoán được tính theo phương pháp bình quân gia quyền vào cuối ngày giao dịch.

Chứng chỉ Quỹ đại chúng niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội hoặc Hồ Chí Minh: Giá thị trường là giá đóng cửa tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá. Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến ngày định giá, giá trị của các khoản đầu tư được xác định theo giá mua cổ phiếu hoặc giá trị sổ sách của cổ phiếu hoặc giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính từ

ngày 04 tháng 04 năm 2023 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 06 năm 2023

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.2 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Ghi nhận tiếp theo (tiếp theo)

Chứng chỉ Quỹ đại chúng không niêm yết: Giá được xác định là giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ tại ngày giao dịch gần nhất của chứng chỉ quỹ đó hoặc ngày định giá gần nhất của Quỹ đầu tư đó trước ngày định giá của Quỹ.

Quyền mua cổ phiếu: Giá trị của quyền mua cổ phiếu là giá trị thị trường của cổ phiếu tại ngày giao dịch gần nhất đến Ngày Định Giá trừ đi giá phát hành nhân với tỷ lệ thực hiện quyền. Trong trường hợp giá trị quyền xác định là âm (-), giá sử dụng để định giá là 0 VNĐ (không Đồng Việt Nam).

Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Lãi/lỗ do bán các khoản đầu tư

Lãi/lỗ từ hoạt động bán các khoản đầu tư thể hiện phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tại cuối ngày giao dịch.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, lãi cổ phiếu, tiền lãi gửi ngân hàng và phải thu khác. Các khoản phải thu được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn gốc của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019 như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính từ
ngày 04 tháng 04 năm 2023 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 06 năm 2023

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.4 Các khoản phải trả

Các khoản phải trả được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo nguyên giá bao gồm các khoản phải trả cho hoạt động mua lại chứng chỉ quỹ, phải trả từ hoạt động hoán đổi chứng danh mục chứng khoán cơ cấu lấy chứng chỉ quỹ và ngược lại, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao Ban Đại diện Quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát và các khoản phải trả khác.

4.5 Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của nhà đầu tư

Các Chứng chỉ Quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại. Mỗi Chứng chỉ Quỹ có mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam. Một lô Chứng chỉ Quỹ tương ứng với 100.000 Chứng chỉ Quỹ.

Số lượng giao dịch hoán đổi tối thiểu là một lô Chứng chỉ Quỹ. Giá trị tài sản ròng trên một lô Chứng chỉ Quỹ được tính bằng cách chia tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ cho tổng số lô Chứng chỉ Quỹ và làm tròn xuống lấy đến hàng đơn vị. Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ được tính bằng cách chia tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ cho số lượng Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá và làm tròn xuống lấy đến hai (02) số thập phân.

Vốn góp phát hành

Vốn góp phát hành phản ánh nguồn vốn từ việc hoán đổi lô Chứng chỉ Quỹ lấy danh mục chứng khoán cơ cấu. Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá Chứng chỉ Quỹ và được ghi nhận tại ngày làm việc thứ hai kể từ ngày giao dịch hoán đổi – ngày xác nhận hoàn tất giao dịch và xác nhận quyền sở hữu cho Quỹ.

Vốn góp hoán đổi lại

Vốn góp hoán đổi lại phản ánh nguồn vốn từ việc hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy lô Chứng chỉ Quỹ. Vốn góp hoán đổi lại được phản ánh theo mệnh giá của Chứng chỉ Quỹ và được ghi nhận tại ngày làm việc thứ hai kể từ ngày giao dịch hoán đổi – ngày xác nhận hoàn tất giao dịch và xác nhận quyền sở hữu cho Quỹ.

Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư

Thặng dư vốn thể hiện chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành/giá mua lại Chứng chỉ Quỹ trong giao dịch hoán đổi.

Giá phát hành là mức giá mà nhà đầu tư phải thanh toán để mua một lô Chứng chỉ Quỹ. Giá phát hành bằng giá trị tài sản ròng trên một lô Chứng chỉ Quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch cộng với giá dịch vụ phát hành.

Giá mua lại là mức giá mà Công ty Quản lý Quỹ phải thanh toán cho nhà đầu tư đặt lệnh hoán đổi lô Chứng chỉ Quỹ lấy chứng khoán cơ cấu. Giá mua lại bằng giá trị tài sản ròng trên một lô Chứng chỉ Quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch trừ đi giá dịch vụ mua lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính từ
 ngày 04 tháng 04 năm 2023 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 06 năm 2023

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.5 Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của nhà đầu tư (tiếp theo)

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lãi/(lỗ) chưa phân phối lũy kế tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện lũy kế và lợi nhuận chưa thực hiện lũy kế.

Lợi nhuận đã thực hiện trong năm là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu sau khi loại trừ phần chênh lệch tăng/(giảm) do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện với tổng các khoản chi phí của Quỹ phát sinh trong năm.

Lợi nhuận chưa thực hiện trong năm là chênh lệch tăng/(giảm) do đánh giá lại các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ phát sinh trong năm.

Cuối năm tài chính, Quỹ xác định lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện trong năm và ghi nhận vào "Lợi nhuận chưa phân phối".

Lợi nhuận/Tài sản phân phối cho Nhà đầu tư

Nhà đầu tư được nhận lợi tức từ Quỹ theo chính sách phân phối lợi nhuận quy định tại Điều lệ Quỹ và theo phương án phân chia đã được Đại hội Nhà đầu tư gần nhất thông qua. Lợi tức chi trả cho Nhà đầu tư được trích từ lợi nhuận trong năm hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi Quỹ đã hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính (nếu có) theo quy định của pháp luật. Sau khi chi trả lợi tức, Quỹ vẫn phải đảm bảo có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và đảm bảo giá trị tài sản ròng không thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng.

Lợi tức có thể được thanh toán bằng tiền hoặc Chứng chỉ Quỹ phát hành thêm. Trường hợp Quỹ phân phối lợi tức bằng Chứng chỉ Quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.

4.6 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Tiền lãi

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi tại ngân hàng được ghi nhận vào báo cáo thu nhập giữa niên độ trên cơ sở dự trừ khi khả năng thu lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Thu nhập cổ tức được ghi nhận vào báo cáo thu nhập giữa niên độ khi quyền nhận cổ tức của Quỹ được thiết lập.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập giữa niên độ khi nhận được thông báo giao dịch từ các Công ty Chứng khoán và Ngân hàng Giám sát.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính từ
 ngày 04 tháng 04 năm 2023 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 06 năm 2023

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.6 Doanh thu (tiếp theo)

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán niêm yết

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được thông báo giao dịch từ các Công ty Chứng khoán và Ngân hàng Giám sát.

4.7 Chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán trong báo cáo thu nhập khi phát sinh, không căn cứ vào thời điểm thực tế chi tiền hoặc tương đương tiền.

Giá dịch vụ quản lý quỹ phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ

Giá dịch vụ quản lý Quỹ được trả cho Công ty Quản lý Quỹ để thực hiện dịch vụ quản lý quỹ ETF FCAP VNX50. Giá dịch vụ quản lý Quỹ ETF FCAP VNX50 là 0,65% NAV/năm (chưa bao gồm giá dịch vụ/ tiền cung cấp dịch vụ thanh toán cho các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan được Công ty quản lý quỹ ủy quyền để thực hiện các dịch vụ cho Quỹ), tối thiểu 30.000.000 VNĐ/tháng. Giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng Giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Giá dịch vụ giám sát và giá dịch vụ lưu ký

Giá dịch vụ lưu ký tài sản bao gồm giá dịch vụ lưu ký tài sản phải trả cho Ngân hàng giám sát và giá dịch vụ lưu ký chứng khoán phải trả cho Trung tâm lưu ký chứng khoán. Giá dịch vụ lưu ký tài sản phải trả cho Ngân hàng giám sát là 0,06% NAV/năm chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT), giá dịch vụ lưu ký tối thiểu hàng tháng là 20.000.000 VNĐ. Giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Giá dịch vụ giám sát Quỹ được trả cho Ngân hàng giám sát để thực hiện dịch vụ giám sát hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ. Giá dịch vụ giám sát được tính là 0,02% NAV/năm (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng). Giá dịch vụ giám sát tối thiểu hàng tháng là 5.000.000 VNĐ (chưa bao gồm VAT). Số tiền giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Giá dịch vụ giao dịch chứng khoán phải trả cho Ngân hàng giám sát là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành là: 0,01% giá trị giao dịch. Tối thiểu là 100.000 VNĐ/ngày giao dịch và tối đa là 3.000.000 VNĐ/ngày giao dịch (chưa bao gồm thuế VAT).

Mức phí trên chưa bao gồm các chi phí ngoài thông thường như chi phí thanh toán cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán, chi phí pháp lý, chi phí tem thư...

Giá dịch vụ quản trị Quỹ

Giá dịch vụ quản trị quỹ được trả cho Ngân hàng giám sát sẽ là 0,03% NAV/năm và thấp nhất là 15.000.000 VNĐ/tháng chưa bao gồm thuế VAT. Số tiền giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng được trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán là đại lý chuyển nhượng cho Quỹ. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng được xác định mỗi tháng là 5.000.000 VNĐ (chưa bao gồm VAT). Số tiền cung cấp dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền cung cấp dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính từ
 ngày 04 tháng 04 năm 2023 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 06 năm 2023

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.7 Chi phí (tiếp theo)

Giá dịch vụ quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu

Giá dịch vụ quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu được trả cho Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cho dịch vụ quản lý và vận hành chỉ số VNX50. Giá dịch vụ được xác định là 0,05% NAV/năm, tối thiểu là 50.000.000 VND/năm. Số tiền cung cấp dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền cung cấp dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Giá dịch vụ cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu (iNAV)

Giá dịch vụ cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu (iNAV) trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu. Giá dịch vụ được xác định là 0,05% NAV/năm, tối thiểu là 50.000.000 VND/năm. Số tiền cung cấp dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền cung cấp dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Chi phí kiểm toán

Phí kiểm toán phụ thuộc vào kết quả lựa chọn và thương lượng với Công ty Kiểm toán và sẽ được xác định hàng năm vào cuối năm tài chính của Quỹ.

Phụ cấp Ban Đại diện Quỹ

Các chi phí của Ban Đại diện Quỹ bao gồm chi phí ăn ở, đi lại với mức hợp lý và phù hợp với các quy định tại Điều lệ Quỹ, các chi phí phát sinh từ hoạt động của Ban Đại diện Quỹ để phục vụ cho lợi ích của Quỹ sẽ được tính vào chi phí của Quỹ. Thù lao của các thành viên của Ban Đại diện Quỹ được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ và tổng mức thù lao không được vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Đại diện đã được thông qua tại Đại hội Nhà đầu tư.

Chi phí khác

Các chi phí khác bao gồm chi phí in ấn, chi phí công bố thông tin, chi phí cho các cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư, thuế phí và các chi phí khác.

4.8 Thuế

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính từ
ngày 04 tháng 04 năm 2023 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 06 năm 2023

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.8 Thuế (tiếp theo)

a. *Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư*

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 (“Thông tư 78”) được sửa đổi bổ sung theo Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 (“Thông tư 111”) được sửa đổi bổ sung theo Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 (“Thông tư 92”) do Bộ Tài chính ban hành và Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 của Tổng Cục Thuế về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư. Theo đó, khi trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ cần giữ lại 20% lợi nhuận được phân phối (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật hiện hành). Khi trả cổ tức cho nhà đầu tư cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% lợi nhuận được phân phối.

b. *Giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ*

Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ khấu trừ, kê khai thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo Thông tư số 111 được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 92 và Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành. Mức thuế áp dụng là 0,1% giá trị chuyển nhượng. Công ty Quản lý Quỹ sẽ không khấu trừ thuế đối với các giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước. Các nhà đầu tư này phải chịu trách nhiệm tự kê khai và nộp thuế cho Nhà nước theo Thông tư số 78.

4.9 Các bên liên quan

Các bên được xem là có liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Quỹ hoặc chịu sự kiểm soát của Quỹ, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Quỹ. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Quỹ mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Quỹ, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban Đại diện Quỹ, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

4.11 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 181 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ ETF không được thể hiện trong các báo cáo tài chính giữa niên độ này thì được hiểu là có số dư bằng không.

Quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50

B06g-ETF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính từ

ngày 04 tháng 04 năm 2023 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 06 năm 2023

5. CỔ TỨC ĐƯỢC CHIA

	<i>Cho giai đoạn tài chính từ ngày 04/04/2023 đến ngày 30/06/2023 VND</i>
Cổ tức được chia	
Cổ tức bằng tiền	640.500.000
Dự thu cổ tức trong kỳ	138.000.000
	778.500.000

6. TIỀN LÃI ĐƯỢC NHẬN

	<i>Cho giai đoạn tài chính từ ngày 04/04/2023 đến ngày 30/06/2023 VND</i>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	673.050
	673.050

7. LỖ BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	<i>Tổng giá trị bán VND</i>	<i>Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND</i>	<i>Lỗ bán chứng khoản cho giai đoạn tài chính từ ngày 04/04/2023 đến ngày 30/06/2023 VND</i>
Lỗ bán các khoản đầu tư			
Cổ phiếu niêm yết	769.000.000	870.900.000	(101.900.000)
	769.000.000	870.900.000	(101.900.000)

8. CHÊNH LỆCH TĂNG ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ CHƯA THỰC HIỆN

	<i>Giá trị mua theo sổ kế toán VND</i>	<i>Giá thị trường/ giá trị hợp lý VND</i>	<i>Chênh lệch điều chỉnh sổ kế toán từ ngày 04/04/2023 đến ngày 30/06/2023 VND</i>
Cổ phiếu niêm yết	59.605.805.000	61.723.912.750	2.118.107.750
	59.605.805.000	61.723.912.750	2.118.107.750

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính từ
 ngày 04 tháng 04 năm 2023 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 06 năm 2023

9. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

*Cho giai đoạn tài chính
 từ ngày 04/04/2023 đến
 ngày 30/06/2023
 VND*

Chi phí môi giới – cổ phiếu niêm yết	2.774.858
	2.774.858

10. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

*Cho giai đoạn tài chính
 từ ngày 04/04/2023 đến
 ngày 30/06/2023
 VND*

Thù lao Ban Đại diện quỹ	14.500.000
Phí ngân hàng	5.500
Chi phí khác	77.238.581
	91.744.081

11. TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

*30/06/2023
 VND*

Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND cho hoạt động của Quỹ tại: <i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành</i>	771.397.550
	771.397.550

HÀNH VI VI PHẠM

Quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50

B06g-ETF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 và và cho giai đoạn tài chính từ
ngày 04 tháng 04 năm 2023 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 06 năm 2023

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THUẬN

Chi tiết các khoản đầu tư của Quỹ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 như sau:

STT	Cổ phiếu	Giá mua VND	Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại VND
				Tăng VND	(Giảm) VND	
Cổ phiếu niêm yết						
1	ACB	1.470.000.000	1.521.450.000	51.450.000	-	1.521.450.000
2	BVH	1.491.000.000	1.323.000.000	-	(168.000.000)	1.323.000.000
3	CTG	871.500.000	885.000.000	13.500.000	-	885.000.000
4	DGC	705.600.000	765.600.000	60.000.000	-	765.600.000
5	DIG	281.700.000	378.900.000	97.200.000	-	378.900.000
6	EIB	573.000.000	637.500.000	64.500.000	-	637.500.000
7	FPT	4.806.000.000	5.160.000.000	354.000.000	-	5.160.000.000
8	GEX	489.600.000	696.600.000	207.000.000	-	696.600.000
9	GMD	327.600.000	311.400.000	-	(16.200.000)	311.400.000
10	HCM	283.200.000	337.800.000	54.600.000	-	337.800.000
11	HDB	1.113.000.000	1.116.000.000	3.000.000	-	1.116.000.000
12	HPG	1.899.000.000	2.353.500.000	454.500.000	-	2.353.500.000
13	HSG	441.000.000	508.305.000	67.305.000	-	508.305.000
14	IDC	480.000.000	80.800.000	28.800.000	-	508.800.000
15	KBC	720.000.000	880.500.000	160.500.000	-	880.500.000
16	KDC	358.800.000	375.600.000	16.800.000	-	375.600.000
17	KDH	808.500.000	924.000.000	115.500.000	-	924.000.000
18	LPB	834.000.000	909.000.000	75.000.000	-	909.000.000
19	MBB	1.116.000.000	1.212.000.000	96.000.000	-	1.212.000.000
20	MSB	729.000.000	756.000.000	27.000.000	-	756.000.000
21	MSN	2.895.000.000	2.256.000.000	-	(639.000.000)	2.256.000.000
22	MWG	2.868.000.000	2.598.000.000	-	(270.000.000)	2.598.000.000
23	NLG	332.400.000	396.000.000	63.600.000	-	396.000.000
24	NVL	897.000.000	891.000.000	-	(6.000.000)	891.000.000
25	PDR	411.000.000	504.000.000	93.000.000	-	504.000.000
26	PLX	447.600.000	448.200.000	600.000	-	448.200.000
27	PNJ	2.463.000.000	2.250.000.000	-	(213.000.000)	2.250.000.000
28	POW	364.500.000	402.000.000	37.500.000	-	402.000.000
29	PVD	347.400.000	441.000.000	93.600.000	-	441.000.000
30	PVS	424.800.000	583.200.000	158.400.000	-	583.200.000
31	REE	340.270.000	389.896.000	49.626.000	-	389.896.000
32	SBT	193.200.000	199.980.000	6.780.000	-	199.980.000

Quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50

B06g-ETF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính từ
ngày 04 tháng 04 năm 2023 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 06 năm 2023

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THUẬN (tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư của Quỹ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 như sau (tiếp theo):

STT	Cổ phiếu	Giá mua VND	Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại VND
				Tăng VND	(Giảm) VND	
33	SHB	627.000.000	750.000.000	123.000.000	-	750.000.000
34	SSB	190.800.000	195.165.750	4.365.750	-	195.165.750
35	SSI	1.777.500.000	2.322.000.000	544.500.000	-	2.322.000.000
36	STB	781.500.000	894.000.000	112.500.000	-	894.000.000
37	TCB	1.626.000.000	1.941.000.000	315.000.000	-	1.941.000.000
38	TPB	4.320.000.000	4.509.756.000	189.756.000	-	4.509.756.000
39	VCB	2.790.000.000	3.000.000.000	210.000.000	-	3.000.000.000
40	VCI	326.400.000	439.200.000	112.800.000	-	439.200.000
41	VGC	167.635.000	217.260.000	49.625.000	-	217.260.000
42	VHC	408.000.000	390.000.000	-	(18.000.000)	390.000.000
43	VHM	1.443.000.000	1.650.000.000	207.000.000	-	1.650.000.000
44	VIB	729.000.000	707.400.000	-	(21.600.000)	707.400.000
45	VIC	3.360.000.000	3.060.000.000	-	(300.000.000)	3.060.000.000
46	VJC	1.963.800.000	1.697.400.000	-	(266.400.000)	1.697.400.000
47	VND	453.000.000	567.000.000	114.000.000	-	567.000.000
48	VNM	4.560.000.000	4.260.000.000	-	(300.000.000)	4.260.000.000
49	VPB	547.500.000	595.500.000	48.000.000	-	595.500.000
50	VRE	1.752.000.000	1.608.000.000	-	(144.000.000)	1.608.000.000
		59.605.805.000	61.723.912.750	4.480.307.750	(2.362.200.000)	61.723.912.750

Quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50

B06g-ETF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính từ
ngày 04 tháng 04 năm 2023 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 06 năm 2023

13. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	30/06/2023 VND
Phải thu và dự thu cổ tức chưa đến ngày nhận	138.000.000
Phải thu khác	15.046.724
	<u>153.046.724</u>

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2023 VND
Phải trả phí kiểm toán	32.029.432
	<u>32.029.432</u>

15. PHẢI TRẢ PHÍ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ ETF

	30/06/2023 VND
Phải trả giá dịch vụ quản lý	33.024.640
Phải trả giá dịch vụ lưu ký	58.000.000
Phải trả giá dịch vụ sử dụng chỉ số	5.068.487
Phải trả giá dịch vụ giám sát	15.950.000
Phải trả giá dịch vụ quản trị quỹ	47.850.000
Phải trả giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng	15.950.000
Phải trả phí quản lý thường niên UBCKNN	3.235.305
Phải trả phí cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu (iNAV)	5.068.487
	<u>184.146.919</u>

16. PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP KHÁC

	30/06/2023 VND
Phải trả thù lao Ban đại diện Quỹ	5.000.000
	<u>5.000.000</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính từ
 ngày 04 tháng 04 năm 2023 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 06 năm 2023

17. VỐN GÓP CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	<i>Đơn vị</i>	<i>31/12/2022</i>	<i>Phát sinh trong năm</i>	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2023</i>
Vốn góp phát hành				
Số lượng (1)	CCQ	-	6.000.000	6.000.000
NAV bình quân (2) = (5)/(1)	VND/CCQ	-	10.000,00	10.000,00
Giá trị ghi theo mệnh giá (3)	VND	-	60.000.000.000	60.000.000.000
Thặng dư vốn góp phát hành (4)	VND	-	-	-
Tổng giá trị phát hành				
Chứng chỉ quỹ ETF (5) = (3) + (4)	VND	-	60.000.000.000	60.000.000.000
Vốn góp hoán đổi lại				
Số lượng (6)	CCQ	-	-	-
NAV bình quân (7) = (10)/(6)	VND/CCQ	-	-	-
Giá trị ghi theo mệnh giá (8)	VND	-	-	-
Thặng dư vốn góp mua lại của Nhà đầu tư (9)	VND	-	-	-
Tổng giá trị mua lại Chứng chỉ quỹ ETF (10) = (8) + (9)	VND	-	-	-
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành (11) = (1) - (6)	CCQ	-	6.000.000	6.000.000
Giá trị vốn góp hiện hành (12) = (5) - (10)	VND	-	60.000.000.000	60.000.000.000
Lãi lũy kế (13)	VND	-	2.427.180.673	2.427.180.673
Giá trị tài sản ròng hiện hành (14) = (12) + (13)	VND	-	62.427.180.673	62.427.180.673
Giá trị tài sản ròng trên 1 lô chứng chỉ Quỹ	VND	-	1.040.453.011	1.040.453.011
Giá trị tài sản ròng hiện hành trên 1 Chứng chỉ quỹ (15) = (14)/(11)	VND/CCQ	-		10.404,53

18. LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

Cho giai đoạn tài chính
 từ ngày 04/04/2023
 đến ngày 30/06/2023
 VND

Lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ	-
Lợi nhuận thuần trong kỳ	2.427.180.673
- Lợi nhuận đã thực hiện	309.072.923
- Lợi nhuận chưa thực hiện	2.118.107.750
Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ	2.427.180.673

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính từ
 ngày 04 tháng 04 năm 2023 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 06 năm 2023

19. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 04/04/2023 đến ngày 30/06/2023

STT	Ngày NAV	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	Giá trị tài sản ròng /1 chứng chỉ quỹ VND	Tăng/(Giảm) giá trị tài sản ròng/ 1 chứng chỉ quỹ VND
	04/04/2023	60.000.000.000	6.000.000	10.000,00	
1	12/04/2023	59.559.035.653	6.000.000	9.926,50	(73,50)
2	13/04/2023	59.258.109.592	6.000.000	9.876,35	(50,15)
3	16/04/2023	58.651.883.537	6.000.000	9.775,31	(101,04)
4	17/04/2023	58.688.347.622	6.000.000	9.781,39	6,08
5	18/04/2023	58.783.730.009	6.000.000	9.797,28	15,89
6	19/04/2023	58.277.261.415	6.000.000	9.712,87	(84,41)
7	20/04/2023	58.229.973.663	6.000.000	9.704,99	(7,88)
8	23/04/2023	57.840.570.955	6.000.000	9.640,09	(64,90)
9	24/04/2023	57.722.792.236	6.000.000	9.620,46	(19,63)
10	25/04/2023	57.203.747.911	6.000.000	9.533,95	(86,51)
11	26/04/2023	57.631.381.100	6.000.000	9.605,23	71,28
12	27/04/2023	57.483.471.643	6.000.000	9.580,57	(24,66)
13	30/04/2023	58.172.761.187	6.000.000	9.695,46	114,89
14	02/05/2023	58.166.500.765	6.000.000	9.694,41	(1,05)
15	03/05/2023	58.163.370.653	6.000.000	9.693,89	(0,52)
16	04/05/2023	57.645.374.766	6.000.000	9.607,56	(86,33)
17	07/05/2023	57.624.492.965	6.000.000	9.604,08	(3,48)
18	08/05/2023	58.143.708.204	6.000.000	9.690,61	86,53
19	09/05/2023	58.227.996.941	6.000.000	9.704,66	14,05
20	10/05/2023	58.549.194.958	6.000.000	9.758,19	53,53
21	11/05/2023	58.491.469.003	6.000.000	9.748,57	(9,62)
22	14/05/2023	59.037.096.730	6.000.000	9.839,51	90,94
23	15/05/2023	59.058.110.684	6.000.000	9.843,01	3,50
24	16/05/2023	59.009.525.004	6.000.000	9.834,92	(8,09)
25	17/05/2023	58.513.918.650	6.000.000	9.752,31	(82,61)
26	18/05/2023	58.902.230.380	6.000.000	9.817,03	64,72
27	21/05/2023	58.863.673.372	6.000.000	9.810,61	(6,42)
28	22/05/2023	59.067.069.167	6.000.000	9.844,51	33,90
29	23/05/2023	58.842.426.962	6.000.000	9.807,07	(37,44)
30	24/05/2023	58.499.920.857	6.000.000	9.749,98	(57,09)
31	25/05/2023	58.602.870.942	6.000.000	9.767,14	17,16
32	28/05/2023	58.637.513.407	6.000.000	9.772,91	5,77
33	29/05/2023	59.312.148.861	6.000.000	9.885,35	112,44
34	30/05/2023	59.472.797.454	6.000.000	9.912,13	26,78
35	31/05/2023	59.348.046.245	6.000.000	9.891,34	(20,79)
36	01/06/2023	59.767.959.351	6.000.000	9.961,32	69,98
37	04/06/2023	60.569.001.581	6.000.000	10.094,83	133,51
38	05/06/2023	60.873.518.999	6.000.000	10.145,58	50,75
39	06/06/2023	61.376.427.461	6.000.000	10.229,40	83,82
40	07/06/2023	61.630.253.403	6.000.000	10.271,70	42,30
41	08/06/2023	60.781.346.462	6.000.000	10.130,22	(141,48)
42	11/06/2023	61.414.905.797	6.000.000	10.235,81	105,59
43	12/06/2023	61.919.832.082	6.000.000	10.319,97	84,16
44	13/06/2023	62.096.480.221	6.000.000	10.349,41	29,44
45	14/06/2023	61.774.463.594	6.000.000	10.295,74	(53,67)
46	15/06/2023	61.775.096.956	6.000.000	10.295,84	0,10
47	18/06/2023	61.719.389.823	6.000.000	10.286,56	(9,28)
48	19/06/2023	61.336.487.196	6.000.000	10.222,74	(63,82)
49	20/06/2023	61.758.034.762	6.000.000	10.293,00	70,26
50	21/06/2023	62.226.690.382	6.000.000	10.371,11	78,11
51	22/06/2023	62.599.886.056	6.000.000	10.433,31	62,20
52	25/06/2023	62.837.961.511	6.000.000	10.472,99	39,68
53	26/06/2023	63.102.067.976	6.000.000	10.517,01	44,02
54	27/06/2023	63.297.266.881	6.000.000	10.549,54	32,53
55	28/06/2023	63.416.721.608	6.000.000	10.569,45	19,91
56	29/06/2023	62.527.327.624	6.000.000	10.424,00	(145,45)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính từ
 ngày 04 tháng 04 năm 2023 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 06 năm 2023

19. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng bình quân trong giai đoạn tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 04/04/2023 đến ngày 30/06/2023:	59.707.819.450
Biến động giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ từ ngày 04/04/2023 đến ngày 30/06/2023	
▶ Mức cao nhất trong kỳ (VND)	148,23
▶ Mức thấp nhất trong kỳ (VND)	0,10

20. SỐ LƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ ĐANG LƯU HÀNH

	30/06/2023
	VND
Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	<u>6.000.000</u>

21. CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHÓT KHÁC

21.1 Các bên liên quan

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong giai đoạn tài chính từ ngày 04 tháng 04 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023 như sau:

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Quan hệ</u>	<u>Nội dung giao dịch</u>	<i>Cho giai đoạn tài chính từ ngày 04/04/2023 đến ngày 30/06/2023</i> VND
Công ty CP Quản lý quỹ đầu tư FPT	Công ty Quản lý Quỹ	Giá dịch vụ quản lý	93.579.791
Ban Đại diện Quỹ	Quản lý Quỹ	Thù lao Ban Đại diện Quỹ	14.500.000

Phí quản lý được tính bằng 0,65% giá trị tài sản ròng một năm, tối thiểu 30.000.000 VND/tháng và có thể thay đổi khi được Đại hội Nhà đầu tư phê duyệt.

Số dư trọng yếu với bên liên quan tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 như sau:

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Quan hệ</u>	<u>Nội dung giao dịch</u>	30/06/2023 VND
Công ty CP Quản lý quỹ đầu tư FPT	Công ty Quản lý Quỹ	Giá dịch vụ quản lý	33.024.640

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính từ
 ngày 04 tháng 04 năm 2023 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 06 năm 2023

21. CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)

21.2 Các hợp đồng then chốt khác

Các giao dịch trọng yếu trong giai đoạn tài chính từ ngày đến ngày 30 tháng 06 năm 2023 như sau:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Nội dung giao dịch</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính từ ngày 04/04/2023 đến ngày 30/06/2023</i> VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành	Ngân hàng lưu ký giám sát	Giá dịch vụ giám sát Giá dịch vụ quản trị Quỹ ETF Giá dịch vụ lưu ký tài sản Trong đó: - Giá dịch vụ lưu ký tài sản tại NHGS - Giá dịch vụ giao dịch chứng khoán	15.950.000 47.850.000 58.184.991 58.000.000 184.991

Số dư trọng yếu tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 như sau:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Nội dung giao dịch</i>	<i>30/06/2023</i> VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành	Ngân hàng lưu ký giám sát	Tiền gửi ngân hàng Giá dịch vụ lưu ký phải trả Giá dịch vụ giám sát phải trả Giá dịch vụ quản trị Quỹ ETF phải trả	771.397.550 58.184.991 15.950.000 47.850.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính từ
 ngày 04 tháng 04 năm 2023 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 06 năm 2023

22. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quỹ có các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết, các khoản phải thu, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Quỹ. Nợ phải trả tài chính của Quỹ chủ yếu bao gồm các khoản phải trả Công ty Quản lý Quỹ, phải trả nhà cung cấp dịch vụ, phải trả cho Nhà đầu tư và phải trả dịch vụ quản lý Quỹ. Quỹ không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty Quản lý Quỹ đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Lãnh đạo Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Quỹ để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Lãnh đạo xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản chứng khoán đầu tư.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ chủ yếu liên quan đến tiền gửi ngân hàng và chứng chỉ tiền gửi của Quỹ. Những tài sản này có tính thanh khoản cao và không được Quỹ nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quỹ và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Quỹ không áp dụng phương pháp phân tích độ nhạy đối với lãi suất do Quỹ có rủi ro lãi suất rất nhỏ tại ngày lập báo cáo tài chính.

Rủi ro tiền tệ

Quỹ không có rủi ro tiền tệ do trong giai đoạn tài chính từ ngày 04 tháng 04 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023, Quỹ không thực hiện các giao dịch bằng ngoại tệ.

Rủi ro về giá cổ phiếu niêm yết

Các cổ phiếu đã niêm yết do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Quỹ quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Công ty Quản lý Quỹ xem xét các quyết định đầu tư trong hạn mức được quy định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính từ
 ngày 04 tháng 04 năm 2023 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 06 năm 2023

22. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quỹ có rủi ro tín dụng từ tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu.

Công ty Quản lý Quỹ đánh giá rằng rủi ro tín dụng của Quỹ ở mức thấp vì các khoản tiền gửi, các khoản phải thu là lãi tiền gửi chưa đến hạn tại các Ngân hàng có uy tín hoạt động tại Việt Nam đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt. Các khoản phải thu là cổ tức tại thời điểm cuối năm có thời hạn thanh toán ngắn, các bên đối tác có chỉ số tín dụng ở mức an toàn.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty Quản lý Quỹ thường xuyên đánh giá các yêu cầu về thanh khoản, phân tích thời gian ra/vào của các luồng tiền và giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền gửi ngân hàng ở mức mà Công ty quản lý quỹ cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Quỹ dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng:

	<i>30/06/2023</i>
	<i>VND</i>
<i>Dưới 3 tháng</i>	
Chi phí phải trả	32.029.432
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF	184.146.919
Phải trả khác	5.000.000
	221.176.351

Quỹ cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Quỹ có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn để thực hiện các nghĩa vụ hiện tại.

23. CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUỸ ETF

<i>STT</i>	<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính từ ngày 04/04/2023 đến ngày 30/06/2023</i>
1	Tỷ lệ chi phí hoạt động = Tổng chi phí hoạt động x 365 x 100%/(Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ x Thời gian Quỹ đã hoạt động (tính theo ngày từ thời điểm cấp phép)) (*)	2,56%
2	Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ = (Tổng giá trị danh mục mua vào + tổng giá trị danh mục bán ra) x 365 x 100%/(Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ x Thời gian Quỹ đã hoạt động (tính theo ngày từ thời điểm cấp phép))/2	6,43%

(*) Chi phí hoạt động bao gồm Chi phí đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính từ
ngày 04 tháng 04 năm 2023 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 06 năm 2023

24. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ.

Người lập:



Bà Vũ Hoài Anh
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Bà Nguyễn Thị Thu Nguyệt
Tổng Giám đốc



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 08 năm 2023